

TỔ BỘ NGỰA***Mantidis Oötheca*****Tang phiêu tiêu, Tổ bộ ngựa trên cây dâu**

Toàn tổ chứa trứng của con Bộ ngựa (*Tenodera sinensis* Saussure, 1871; syn. *Tenodera aridifolia sinensis*, Saussure 1871), họ Bộ ngựa (Matidae) đã được chế biến rồi phơi hay sấy khô. Tổ bộ ngựa trên cây dâu là tốt nhất. Thu hái tổ bộ ngựa khi trứng còn chưa nở vào khoảng từ mùa thu đến mùa xuân năm sau. Chú ý khi tách lấy tổ cần nhẹ nhàng để tránh làm dập tổ, vỡ trứng.

Mô tả

Toàn tổ bộ ngựa có màu nâu vàng hoặc nâu đen, bên trong có từng nếp nhăn và có vách ngăn thành các ô, mỗi ô có một quả trứng.

Dựa vào hình dạng tổ và màu sắc bên ngoài, có thể phân loại như sau:

Đoàn phiêu tiêu: Hơi hình trụ hoặc hình bán nguyệt, bao gồm nhiều lớp tấm giống như màng, dài 2,5 - 4 cm và rộng 2 - 3 cm. Bên ngoài có màu nâu vàng, phần phình ra ở phía trên như một gờ dài không rõ ràng và phần dưới phẳng hoặc lõm. Chất nhẹ, dai và lỏng lẻo. Mặt cắt ngang có một lớp bên ngoài giống như bọt biển, lớp bên trong bao gồm nhiều khoang nhỏ được sắp xếp theo mô hình xuyên tâm; mỗi khoang có chứa một trứng hình bầu dục nhỏ, màu nâu sẫm và sáng bóng. Vị hơi tanh, hơi mặn.

Trường phiêu tiêu: Hình trụ hơi thon dài, hẹp ở một đầu, dài 2,5 - 5 cm và rộng 1 - 1,5 cm. Bề mặt có màu vàng xám với những chỗ phình hình dải rõ ở trên, có một rãnh nông màu nâu sẫm và vân chéo ở mỗi bên của dải. Chất cứng và giòn.

Hắc phiêu tiêu: Hình bình hành hơi dài, dài 2 - 4 cm, rộng 1,5 - 2 cm. Bề mặt có màu nâu xám hoặc nâu đen, với những chỗ phình hình dải rõ ràng ở trên cùng các vân xiên ở hai bên; ở một đầu có phần nhỏ dài hơi cong nhô lên. Chất cứng và dai.

Bột

Màu nâu vàng nhạt. Soi tiêu bản với *glycerin - acid acetic* (TT) thấy: Các hạt hình lòng đỏ trứng tụ thành đám (cần phải quan sát ngay lập tức sau khi lên tiêu bản), màu hơi vàng, đường kính 10 - 160 µm, trên bề mặt có các hạt nhỏ hoặc lỗ không đều.

Soi tiêu bản với *cloral hydrat* (TT) thấy: Mảnh thành tổ không đều, màu hơi vàng đến hơi nâu đỏ, trên bề mặt có các khoang tròn to nhỏ không đều. Một số khối trụ tinh thể acid citric, mỗi khối có đường kính 2 - 10 µm, dài tới 20 µm.

Định tính

Lấy 2,0 g bột dược liệu, thêm 20 ml *nước*, đun sôi trong 10 min, lọc. Lấy 2 ml dịch lọc, thêm 3 - 4 giọt *dung dịch ninhydrin 0,2 %* (TT), đun sôi nhẹ trong 5 min, xuất hiện màu xanh dương hơi đỏ tía.

Độ ẩm

Không quá 15,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 100 - 105 °C, 5 h).

Tro toàn phần

Không quá 8,0 % (Phụ lục 9.8).

Tro không tan trong acid

Không quá 3,0 % (Phụ lục 9.7).

Tạp chất

Không quá 1,0 % (Phụ lục 12.11).

Chất chiết được trong dược liệu

Tiến hành theo phương pháp chiết lạnh (Phụ lục 12.10).

Không ít hơn 4,0 % tính theo dược liệu khô kiệt, dùng *nước* làm dung môi.

Không ít hơn 4,0 % tính theo dược liệu khô kiệt, dùng *ethanol 50 % (TT)* làm dung môi.

Chế biến

Khi thu hái, nếu cành nhỏ thì cắt cả đoạn cành để lấy tổ, nếu cành to thì bóc lấy cả đoạn vỏ cành nơi tổ

đóng, tránh làm vỡ trứng ở trong; nếu dập tổ, vỡ trứng sẽ giảm tác dụng.

Sau khi thu hái, rửa bằng nước phù sa để bảo tồn một phần ẩm khí trong tổ bộ ngựa. Đều khoảng 40 - 50 min cho chín trứng, sau đó loại bỏ tạp chất rồi phơi khô. Có thể tẩm nước tương bằng cách đun sôi trong nước tương có cho thêm chút muối để có tác dụng đưa thuốc vào thận, đun cho chín trứng. Phơi hoặc sấy khô để dùng.

Bảo quản

Trong đồ đựng kín, nơi khô, tránh sâu mọt. Nên dùng trong 30 ngày sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị hơi ngọt, mặn, tính bình. Vào kinh can, thận.

Công năng, chủ trị

Ích thận, cố tinh, bổ hư. Chủ trị: Di tinh, liệt dương, đái giắt, đau eo lưng (đau vùng thắt lưng), bế kinh, đái dầm.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 4 g đến 12 g, dạng thuốc sắc, trước khi sắc giã dập.

Dạng thuốc hoàn tán: Sao giòn, giã thành bột, liều dùng tùy theo bài thuốc.

Kiêng kỵ

Người hỏa vượng nên dùng liều nhỏ.